

# HỘI THẢO LÝ LUẬN VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

**Lời Ban Biên tập:** Từ ngày 28 đến 30-7-2007, tại Bắc Kinh (Trung Quốc) đã tổ chức Hội thảo lý luận lần thứ 3 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc với chủ đề: “Phát triển khoa học, hài hòa giữa kinh tế và xã hội trong xây dựng chủ nghĩa xã hội - lý luận và thực tiễn”.

Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Tô Huy Rứa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, làm trưởng đoàn.

Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Trung Quốc do đồng chí Lưu Vân Sơn, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Ban Bí thư, Trưởng Ban Tuyên truyền Trung ương, làm trưởng đoàn.

Dự Hội thảo có gần 100 đại biểu là các nhà khoa học và hoạt động thực tiễn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Sau đây, Tạp chí Cộng sản trích giới thiệu với bạn đọc bài phát biểu của hai đồng chí Tô Huy Rứa và Lưu Vân Sơn tại cuộc Hội thảo quan trọng nói trên.

## **PHÁT TRIỂN HÀI HÒA GIỮA KINH TẾ VÀ XÃ HỘI Ở VIỆT NAM QUA 20 NĂM ĐỔI MỚI**

**TÔ HUY RỨA \***

Cho phép tôi thay mặt đoàn đại biểu Việt Nam trình bày bản Báo cáo Đề dẫn với tựa đề

“Phát triển hài hòa giữa kinh tế và xã hội ở Việt Nam qua hai mươi năm Đổi mới”.

### **I - ĐỔI MỚI THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỚI VIỆC THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN HÀI HÒA GIỮA KINH TẾ VÀ XÃ HỘI Ở VIỆT NAM - NHỮNG NHẬN THỨC LÝ LUẬN**

1 - Năm 2006 vừa qua, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam đã tiến hành tổng kết lý luận - thực tiễn 20 năm Đổi mới; nhìn lại một chặng đường đã đi qua với những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, khẳng định đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo là đúng

đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế thời đại; đồng thời cũng thấy rõ những khuyết điểm và yêu cầu khắc phục, rút ra những bài học kinh nghiệm cần

\* PGS, TS, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

thiết để tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc Đổi mới nhằm sớm đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo tiền đề để đến năm 2020 cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Nhìn tổng quát, thành tựu của hai mươi năm Đổi mới ở Việt Nam là: *chính trị - xã hội ổn định, kinh tế tăng trưởng, tiến bộ và công bằng xã hội từng bước được thực hiện, dân tộc đoàn kết và xã hội đồng thuận, quan hệ đối ngoại có bước phát triển mới.* Đó cũng chính là những nhân tố bảo đảm cho phát triển. Những nhân tố ấy được tạo ra trong đổi mới, chẳng những là kết quả, thành tựu của đổi mới mà còn là động lực của đổi mới, đưa đất nước thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, làm cho xã hội năng động, tiến tới phát triển nhanh và bền vững.

Đổi mới ở Việt Nam có nguồn gốc sâu xa từ thực tiễn cuộc sống của nhân dân; hình thành từ những sáng kiến, sáng tạo của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân từ các địa phương và cơ sở. Bám sát thực tiễn, hiểu rõ tâm trạng và nguyện vọng của quần chúng, kịp thời phân tích, tổng kết những kinh nghiệm, sáng kiến của quần chúng, nâng lên thành lý luận, ra sức tìm tòi và thử nghiệm những biện pháp và chính sách đã đưa đến *đường lối đổi mới toàn diện* của Đảng, bắt đầu từ Đại hội VI (1986), từng bước phát triển và hoàn thiện qua các nhiệm kỳ Đại hội VII, VIII, IX và X vừa qua. Đổi mới còn có những nhân tố tác động trực tiếp của tình hình kinh tế - xã hội ở trong nước khi lâm vào một cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng và những tác động của tình hình thế giới vào những năm 80 của thế kỷ trước. Vào lúc đó, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu đã bắt đầu

cải tổ, Trung Quốc thực hiện cải cách và mở cửa, thị trường thế giới và thế toàn cầu hóa kinh tế đang diễn ra - công nghệ đang phát triển, thông tin truyền thông nổi mạnh mẽ với sự bùng nổ chưa từng thấy.

Với Việt Nam, Đại hội VI đã quyết sách chiến lược để phát triển kinh tế - xã hội chủ nghĩa, là sự đổi mới đồng thời cũng là chấp nhận những thách thức trong phát triển. Thời cơ, vận hội lớn không thể bỏ lỡ, mà thách thức, nguy cơ cũng không kém phần nghiêm trọng, đòi hỏi phải nhận thức, đánh giá đúng, sáng suốt tận dụng thời cơ, đồng thời cũng có đủ bản lĩnh và quyết tâm vượt qua thách thức.

Khi khởi xướng Đổi mới ở Đại hội VI, hai mươi một năm trước đây, Đảng Cộng sản Việt Nam ý thức rất rõ rằng, đổi mới là một tất yếu bức xúc, đó chính là giải pháp chiến lược để ra khỏi khủng hoảng, tạo lập sự ổn định, vượt qua khủng hoảng để phát triển. Trước tình trạng lạm phát với tốc độ phi mã, hàng hóa khan hiếm, kinh tế suy thoái, đời sống của cán bộ và nhân dân hết sức khó khăn, thì không có con đường nào khác, phải đổi mới để tồn tại, đứng vững và phát triển.

Đổi mới được hồi thúc từ chính cuộc sống của người dân, nó như mệnh lệnh của cuộc sống.

Đổi mới còn phù hợp với xu thế chung của thế giới, của thời cuộc và thời đại đang biến đổi vô cùng mau lẹ.

Đổi mới không chỉ là quyết định đúng đắn và kịp thời để giải quyết cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trước mắt lúc đó, mà còn mang tầm vóc của những cải biến cách mạng toàn diện, sâu sắc và triệt để, lâu dài

nhằm tìm kiếm một mô hình phát triển mới về kinh tế sao cho có hiệu quả, đổi mới hệ thống chính trị sao cho bảo đảm được dân chủ và phát huy được quyền làm chủ thực sự của nhân dân, tổ chức đời sống xã hội sao cho hợp lý để nhân dân được thụ hưởng các lợi ích vật chất và tinh thần một cách công bằng, bình đẳng, tập hợp được lòng dân, sức dân, đoàn kết và đồng thuận để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Những định hướng phát triển như thế cho thấy, công cuộc đổi mới ở Việt Nam là một sự nghiệp vĩ đại của toàn Đảng, toàn dân, của cả cộng đồng dân tộc và xã hội, là một quá trình lịch sử lâu dài, tiếp nối nhiều thế hệ, vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Hơn nữa, những định hướng đó của đổi mới cũng cho thấy nội dung của đổi mới để phát triển ở Việt Nam đã bao quát *toàn diện* các lĩnh vực của đời sống xã hội, được nhận thức và xử lý một cách *cán đối* các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, với một hệ thống các giải pháp, các điều kiện đồng bộ, hợp lý.

Một trong những quan điểm lớn, giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm cho công cuộc đổi mới theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa là *kết hợp tăng trưởng kinh tế với từng bước thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội*. Đây là vấn đề được Đảng chúng tôi đặc biệt chú ý trong quá trình hoạch định đường lối, chính sách. Đến Đại hội X vừa qua, quan điểm này đã có sự phát triển mới, được cụ thể hóa và nhấn mạnh, yêu cầu phải: *thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục..., giải quyết tốt các vấn*

*đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người*. Phải bảo đảm tính thống nhất và mối liên hệ mật thiết, sự tác động qua lại lẫn nhau giữa chính sách kinh tế với chính sách xã hội, ngày càng chú trọng nhiều hơn tới chính sách phát triển văn hóa và con người, chú trọng xây dựng đạo đức xã hội lành mạnh, ngăn ngừa tình trạng suy thoái đạo đức, đẩy mạnh đổi mới giáo dục để chấn hưng giáo dục. Trên thực tế, những quyết định chính trị của Đảng và những nỗ lực đổi mới thể chế, cải cách nền hành chính, đổi mới hệ thống chính trị, lấy xây dựng Đảng làm khâu then chốt, đồng thời đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, xây dựng nền dân chủ, nhất là thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở... có tác động rất lớn vào sự phát triển kinh tế và xã hội.

Thành tựu và những kinh nghiệm bước đầu của Đổi mới ở Việt Nam đã cho thấy, thực hiện sự phát triển kinh tế và xã hội đòi hỏi phải tính đến nhân tố tác động cực kỳ quan trọng của chính trị. Dân chủ hóa đời sống chính trị, đổi mới hệ thống chính trị trở thành điều kiện để thúc đẩy và bảo đảm những bước tiến cho phát triển kinh tế và xã hội. Điều kiện và sự bảo đảm này được thể hiện ở những *đổi mới nhận thức về vai trò của ổn định chính trị* như là tiền đề tiên quyết của đổi mới nói chung, đổi mới kinh tế nói riêng, về *giữ vững vai trò lãnh đạo và cầm quyền của Đảng*, nhất là trong điều kiện của Việt Nam chỉ có một Đảng duy nhất lãnh đạo là Đảng Cộng sản. Đó còn là những đổi mới tích cực và đồng bộ về *thể chế luật pháp*, về *chính sách và cơ chế*, về *tổ chức bộ máy và phương thức lãnh đạo*, quản lý sao cho chuyển kịp theo tình hình mới, yêu cầu mới khi đi vào kinh tế thị trường, mở cửa và hội nhập.

Như vậy, phát triển kinh tế - xã hội theo nghĩa rộng, là phát triển chính trị - kinh tế - xã hội gắn liền với nền tảng văn hóa, xác định rõ văn hóa vừa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu và động lực của phát triển kinh tế - xã hội. Văn hóa không ở bên ngoài mà ở trong kinh tế và chính trị như Hồ Chí Minh nhấn mạnh.

Người cũng từng chỉ rõ, đời sống có bốn lĩnh vực quan trọng như nhau, ngang nhau, không thể xem nhẹ một mặt nào: kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội. Phần đầu cho việc thực hiện thành công hệ mục tiêu của Đổi mới: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh ở Việt Nam chính là kết hợp cân đối, hợp lý sự phát triển cả bốn lĩnh vực đó, thông qua chính sách và thực hiện chính sách.

Đại hội X của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định rằng, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là xây dựng một xã hội "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Hệ mục tiêu này của đổi mới cũng chính là đặc trưng cơ bản, tổng quát của xã hội xã hội chủ nghĩa đang từng bước hình thành ở Việt Nam.

2 - Chúng tôi cho rằng, gắn kết phát triển kinh tế và xã hội theo nghĩa đầy đủ đòi hỏi trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội phải triển khai toàn diện các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, xuất phát từ thực tiễn, tuân theo quy luật khách quan, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của đất nước, đặc điểm của dân tộc, xu thế của thế giới và thời đại, đáp ứng được lợi ích, nhu cầu và nguyện vọng của nhân dân mà nòng cốt là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Những biến đổi thực tiễn qua hơn 20 năm đổi mới ở Việt Nam đã cho thấy rõ điều đó.

Để thực hiện được điều này đầy đủ hơn về thực chất là gắn kết phát triển kinh tế và xã hội, cần phải tiếp cận một tiếp cận khoa học và xã hội để giải quyết một cách hợp lý mối quan hệ giữa kinh tế và xã hội; trong mối quan hệ tổng thể và phức tạp này lại bao hàm rất nhiều những mối quan hệ cụ thể khác. Đó là quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội, giữa chính sách kinh tế với chính sách xã hội, giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, ổn định và phát triển xã hội, giữa quản lý kinh tế với quản lý xã hội; giữa chính sách, cơ chế với thể chế luật pháp, giữa hoạt động của con người với những tác động chi phối của tổ chức bộ máy, tức là hệ thống thiết chế và thể chế đang đứng trước yêu cầu phải cải cách, đổi mới. Trên thực tế, khi giải quyết các mối quan hệ đó, không thể không tính đến vai trò của các nguồn lực, đặc biệt là nguồn nhân lực, phải xem xét và tính toán cụ thể về cơ cấu nguồn lực, phương thức phân bổ và hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong tổng thể nền kinh tế cũng như ở từng khu vực, từng thành phần kinh tế, trong toàn quốc cũng như các vùng, miền, địa phương và cơ sở.

Với sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế thị trường, những biến đổi trong cơ cấu kinh tế tất yếu sẽ dẫn đến những biến đổi tương thích về cơ cấu xã hội. Bức tranh cơ cấu các giai cấp, các tầng lớp và các nhóm xã hội sẽ khác về căn bản so với thời kỳ trước đây trong nền kinh tế kế hoạch hóa, tập trung quan liêu và bao cấp. Sự biến đổi kinh tế - xã hội này đòi hỏi phải đổi mới nhận thức về chính sách, không chỉ là vai trò riêng có của từng loại chính sách như chính sách kinh tế hay chính sách xã hội mà còn là sự thống nhất, sự liên kết chính sách kinh tế

với chính sách xã hội trong một chính thể; xét đến cùng đó là *hệ chính sách phát triển, hướng tới phát triển bền vững, lấy con người làm mục tiêu và động lực của phát triển, con người chẳng những là đối tượng thụ hưởng lợi ích do chính sách đem lại mà còn là chủ thể và đồng chủ thể tham gia xây dựng, thực hiện và đánh giá chính sách cùng với Nhà nước.*

Trong việc thực hiện phát triển kinh tế và xã hội, không thể không tính đến *những tác động của môi trường.* Trước thực tế gay gắt của tình trạng mất cân bằng sinh thái, sự ô nhiễm của môi trường tự nhiên và sự suy thoái đạo đức, sự lệch lạc các chuẩn mực giá trị của môi trường xã hội bởi tác động mặt trái của kinh tế thị trường đang diễn ra như hiện nay, hơn lúc nào hết, càng cần phải có chính sách và giải pháp để *giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc,* trong đó đói nghèo, bệnh tật, thất học, thất nghiệp đang là những tình huống bức xúc, nóng bỏng nhất. Cũng như vậy, tham nhũng, lãng phí, tệ nạn, tội phạm cũng đang gây tổn hại cả vật chất lẫn tinh thần cho xã hội, hơn nữa còn đặt xã hội và thể chế trước nguy cơ mất ổn định, suy thoái. *Phát triển hài hòa giữa kinh tế và xã hội trong xây dựng chủ nghĩa xã hội là sự phát triển cân đối, hợp lý, bền vững của xã hội vì sự phát triển của con người, cho con người, vì con người.*

Vì thế, mọi chính sách liên quan đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội theo chúng tôi đều phải *đồng quy* vào mục tiêu phát triển, và phát triển bền vững là *hợp điểm* của mọi chính sách.

Từ những thành tựu và cả những hạn chế, yếu kém cùng với những vấn đề phát sinh, nhất là *những vấn đề xã hội* qua hơn 20 năm Đổi mới trong bối cảnh kinh tế thị trường ở Việt Nam, có thể nhận xét rằng, có giải quyết tốt vấn đề An sinh xã hội mới có thể thực hiện phát triển nhanh và bền vững.

Bởi vậy, cùng với tập trung phát triển kinh tế, bảo đảm gắn liền tăng trưởng kinh tế với thực hiện công bằng xã hội trong từng chính sách, từng bước đi, Việt Nam đang nỗ lực đẩy mạnh xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cải cách hành chính, tạo lập một nền hành chính công minh bạch để phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. Đây là những bộ phận cốt yếu của thể chế chính trị, phải được giải quyết *đồng bộ, cân đối và hợp lý để chính trị thúc đẩy phát triển kinh tế và xã hội.* Điều này được thể hiện khá nổi bật trong cách đặt vấn đề của Đảng Cộng sản Việt Nam là phải bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ và đồng bộ giữa ba nhiệm vụ: phát triển kinh tế là *trung tâm,* xây dựng Đảng là *then chốt* và văn hóa - *nền tảng tinh thần* của xã hội.

## II - GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN HÀI HÒA GIỮA KINH TẾ VÀ XÃ HỘI TRONG THỰC TIỄN ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM - THÀNH TỰU VÀ TRIỂN VỌNG, CÁC VẤN ĐỀ ĐANG ĐẶT RA VÀ GIẢI PHÁP

**1 - Giữ vững ổn định chính trị, tiền đề tiên quyết của Đổi mới và điều kiện để**

**thực hiện phát triển hài hòa kinh tế - xã hội**

Ổn định chính trị là tiền đề tiên quyết để Đổi mới, để thực hiện phát triển kinh tế, nhất là khi đi vào kinh tế thị trường đòi hỏi phải mở cửa, hội nhập, thu hút các đối tác; các nguồn lực đầu tư từ nước ngoài vào đồng thời phát huy cao độ nguồn lực trong nước.

Chúng tôi cho rằng, đòi hỏi này có tính phổ biến đối với tất cả các nước. Xét rộng ra, cả cộng đồng quốc tế muốn phát triển cũng tất yếu phải ổn định. Một môi trường ổn định, hòa bình, an ninh và an toàn cho phát triển kinh tế, giao lưu, hợp tác văn hóa đang là mong muốn chung, nỗ lực phấn đấu chung của tất cả các dân tộc trong cộng đồng nhân loại. Hòa bình, hợp tác và phát triển là một trong những xu thế lớn, một đặc trưng của thế giới đương đại.

Thực tế cải tổ - cải cách - đổi mới đã cho thấy, không có ổn định chính trị, rơi vào rối loạn xã hội và khủng hoảng chính trị, thì không có bất cứ một nhiệm vụ nào đặt ra có thể giải quyết được. Đó là một thực tế hiển nhiên. Ổn định chính trị, do đó là một tín hiệu an toàn cho đầu tư cả của nước ngoài và trong nước, tín hiệu của phát triển.

Nhận rõ điều ấy, Việt Nam phấn đấu cho ổn định tích cực bằng cách phát triển kinh tế, bảo đảm đầy mạnh dân chủ, chú trọng thực hiện công bằng thụ hưởng lợi ích và cơ hội phát triển cho người dân, làm cho đời sống, mức sống dân cư được cải thiện, và không ngừng nâng cao.

Nhận thức như vậy, trong Đổi mới, Việt Nam đã áp dụng khoán trong nông nghiệp, đem lại cho đông đảo nông dân, hộ nông dân với trên 60 triệu người, gần 12 triệu hộ

gia đình ~~những lợi ích thiết thực~~ hàng ngày. Kinh tế hộ nông dân ~~đạt được~~ là đơn vị kinh tế cơ bản ở nông thôn, từ đó xây dựng mô hình hợp tác xã kiểu mới, trao cho hộ nông dân quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh, sử dụng lâu dài ruộng đất, vườn và rừng để canh tác, làm ăn và phân đấu trở thành giàu có. Đó là một trong những đột phá, mở đầu cho dân chủ hóa kinh tế, thúc đẩy giải phóng lực lượng sản xuất, chuyển sang kinh tế hàng hóa.

Kinh tế thị trường tất yếu nảy sinh phân hóa giàu nghèo và khu vực nông thôn là nơi tỷ lệ đói nghèo cao nhất. Do đó, Nhà nước đã sớm chủ động thực hiện chính sách quốc gia về xóa đói giảm nghèo, kết hợp cứu trợ xã hội, áp dụng phúc lợi xã hội cùng các biện pháp hỗ trợ phát triển.

Ổn định chính trị được tạo lập bằng con đường, phương thức đó chứ không phải bằng các phương thức mệnh lệnh, hành chính hay hạn chế quyền tự do dân chủ.

Giải quyết ổn định chính trị trong điều kiện áp dụng cơ chế thị trường, phát triển mạnh mẽ nền kinh tế thị trường, mở cửa, hội nhập đã cho thấy tác dụng và ý nghĩa của việc giải quyết đúng đắn, hợp lý mối quan hệ giữa ổn định - đổi mới và phát triển, giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, giữa đổi mới với dân chủ hóa. Từ thực tiễn đó, sau 15 năm đổi mới, đến Đại hội IX - 2001, dân chủ đã được xác định trong hệ mục tiêu của đổi mới: "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Và, tổng kết 20 năm đổi mới, Đại hội X (2006) nêu rõ, xây dựng một xã hội dân chủ, tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc và đồng thuận xã hội. Đó là bảo đảm chắc chắn nhất

cho ổn định chính trị trên cơ sở tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội.

**2 - Từ cơ chế thị trường đến kinh tế thị trường với việc giải quyết nhiệm vụ tăng trưởng kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng chính sách và trong mỗi bước đi của phát triển**

Trên thực tế, đây là vấn đề lý luận mới mẻ và phức tạp nhất, đồng thời là điểm quan trọng bậc nhất và cũng khó khăn nhất của phát triển kinh tế - xã hội. Trước đổi mới, cũng như nhiều nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, ở Việt Nam đã từng tồn tại mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp và áp dụng phương thức phân phối bình quân. Mô hình ấy đã phát huy tác dụng tích cực của nó, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ chiến tranh giải phóng, cho phép huy động tối đa và tổng lực các nguồn lực cho công cuộc kháng chiến cứu nước vì mục tiêu cao nhất là độc lập dân tộc. Song trong điều kiện hòa bình, khi lợi ích và nhu cầu chính đáng của người dân trong điều kiện bình thường đòi hỏi phải được chú trọng thì mô hình kinh tế và quản lý kinh tế đó đã không còn phù hợp và tỏ rõ sự bất cập.

Bước vào Đổi mới, cùng với đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, Việt Nam đã chuyển đổi mạnh mẽ mô hình phát triển kinh tế để phát triển xã hội. Những bước chuyển đổi về mô hình, cơ chế, chính sách và cả thể chế luật pháp, thiết chế tổ chức bộ máy đã diễn ra như một quá trình suốt hơn hai thập kỷ qua không hề đơn giản, dễ dàng.

Thực tiễn đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề về lý luận, đã gợi ý và thúc đẩy những điều chỉnh, những thay đổi để sự phát triển kinh tế - xã hội đi đúng định hướng xã hội

chủ nghĩa và từng bước đạt được sự cân đối, nhịp nhàng trong phát triển. Những dấu mốc nổi bật của quá trình đó là những bước chuyển căn bản sau đây:

- Từ sở hữu đơn nhất, thuần nhất (công hữu) sang đa dạng sở hữu và đa dạng thành phần kinh tế, phát triển các loại hình sản xuất kinh doanh có sở hữu hỗn hợp; trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

- Từ xóa bỏ tập trung quan liêu, bao cấp và bình quân sang áp dụng cơ chế thị trường có sự điều tiết của kế hoạch và quản lý của Nhà nước.

- Từ cơ chế thị trường với cạnh tranh phân hóa vượt trội sang xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường và giờ đây là phát triển mạnh mẽ kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, coi tất cả các thành phần kinh tế, kể cả kinh tế tư nhân gồm nhiều loại... đều nằm trong cơ cấu của nền kinh tế quốc dân thống nhất, hợp tác, cạnh tranh bình đẳng, cùng phát triển lâu dài.

- Từ cách hiểu không đúng về công bằng xã hội là bình quân chia đều sang cách hiểu đúng, xác thực, phải phân phối lợi ích theo kết quả lao động, đồng thời phải đa dạng các hình thức phân phối lợi ích, có cạnh tranh và vượt trội, thấy đúng thực chất của công bằng trước hết là công bằng về cơ hội phát triển.

- Từ chỗ chưa gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, nhận thức chưa đầy đủ vai trò của đầu tư về mặt xã hội, coi đầu tư vào việc giải quyết các vấn đề xã hội là đầu tư không sinh lợi, phi kinh tế, đơn thuần là phúc lợi xã hội đến chỗ thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội thành chính sách phát triển, nhận thức rõ đầu tư về mặt xã hội chính là đầu tư

theo chiều sâu, đầu tư cho phát triển, giải quyết mối liên hệ khăng khít giữa nội dung xã hội trong chính sách kinh tế, tác dụng thúc đẩy kinh tế của chính sách xã hội, phát triển kinh tế để phát triển xã hội, phát triển cá nhân và cộng đồng...

Giải quyết các bước chuyển tiếp đó, những thành tựu kinh tế - xã hội trong Đổi mới của Việt Nam đã cho thấy *mục tiêu phát triển con người là chỗ đến, là tính hướng đích của phát triển kinh tế - xã hội.*

Nhìn lại hơn 20 năm qua, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì được tốc độ tăng trưởng cao, liên tục với các chỉ số dao động bình quân từ 7,5% đến 8%, ở những thành phố lớn như Hồ Chí Minh, Hà Nội, mức tăng trưởng còn cao hơn nhiều, từ trên 10% đến 11% - 12%, GDP tính theo đầu người từ chỗ 200 USD đến 550 - 600 USD và hướng tới trên 1.000 USD trong những năm tới. Đó là những chỉ số phát triển đã đạt được và đang tiếp tục nâng cao nhờ có Đổi mới. Trước đây, Việt Nam thường xuyên thiếu lương thực, phải nhập khẩu, mà đây cũng có phần là tình trạng thiếu giả tạo do các nguồn lực ách tắc, không được lưu thông, do một thời "ngăn sông cấm chợ", không tạo ra thị trường, không hạch toán kinh doanh, "lãi giả, lỗ thật", giờ đây, Việt Nam đã có mặt trong số các quốc gia hàng đầu xuất khẩu gạo, đã hình thành những vùng phát triển trọng điểm, đã chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế trong phạm vi ngành, trong địa phương và cả nước.

Nhờ nhận thức rõ vai trò của chính sách xã hội và sự cần thiết phải tăng cường đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực, Việt Nam đã chú trọng giải quyết những tiền đề và điều kiện cho phát triển con người và cộng

đồng bằng *đồng bằng*, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống lao động, ăn ở, dạy mạnh dạy nghề, *đồng nghiệp*, nâng cao trình độ *đồng nghiệp* cho lao động, *đồng nghiệp* qua việc làm cho lao động, *đồng nghiệp*, chú trọng phát triển *đồng nghiệp* kinh tế tư nhân, đang triển khai mạnh mẽ *đồng nghiệp* doanh nghiệp nhà nước, sửa đổi và hoàn thiện các bộ luật quan trọng về kinh tế, trong đó có Luật Đầu tư, Luật Lao động, Luật Đất đai, Luật Doanh nghiệp....

Trên phương diện xã hội, hàng loạt chính sách nhằm bảo đảm an sinh xã hội, an ninh trong cuộc sống, an toàn trong lao động, chăm sóc các đối tượng yếu thế, các đối tượng được hưởng ưu đãi, các chính sách phát triển ở vùng dân tộc thiểu số, chăm sóc trẻ em, người già, phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới trong phát triển... được thực hiện có hiệu quả. Đó là sự kết hợp kinh tế - xã hội trong phát triển, thực hiện tăng trưởng kinh tế để chăm lo cải thiện cuộc sống cho mọi đối tượng người dân, bảo đảm công bằng xã hội để kích thích tăng trưởng kinh tế...

Đây là những vấn đề mới và khó, nhất là ở những năm đầu của đổi mới, trong bước chuyển sang nền kinh tế thị trường. Phải trải qua thực tiễn, vừa làm vừa rút kinh nghiệm và điều chỉnh, từ thử nghiệm đến tổng kết và bước đầu rút ra những kết luận có tính lý luận. Việt Nam đã lựa chọn cách làm và bước đi như thế để thực hiện sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển mạnh mẽ kinh tế thị trường nhiều thành phần, nhiều hình thức sở hữu, đòi hỏi phải có sự bảo đảm về quyền bình đẳng trước pháp luật của mọi thành phần kinh tế, khắc



phục tình trạng Nhà nước can thiệp quá sâu vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp hoặc ngược lại, buông lỏng quản lý theo chức năng của chính Nhà nước. Cả hai khuynh hướng nêu trên (can thiệp sai chức năng và buông lỏng quản lý, kiểm soát) đều là không đúng, cần phải được khắc phục. Ngay các doanh nghiệp thuộc sở hữu Nhà nước dù giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế song không vì thế mà có những ưu đãi đặc biệt hay độc quyền, không tính đến những ràng buộc của luật pháp và các chế tài. Doanh nghiệp nhà nước phải có thực lực, đủ sức vươn lên trong cạnh tranh, nhất là ngày nay, phải khẳng định thương hiệu, kinh doanh có lãi, thắng thế trong cạnh tranh chứ không phải chủ đạo một cách áp đặt hay hình thức.

Bảo đảm trên thực tế nguyên tắc, mọi công dân được phép làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm, còn công chức chỉ được làm những gì mà pháp luật cho phép.

Cũng trong thực tế vận hành của cơ chế thị trường, những tác động, mặt trái của nó mới dần dần bộc lộ ra và sẽ ngày càng gay gắt hơn. Do đó, để bảo đảm sự phát triển kinh tế và xã hội trong mối quan hệ tương tác, hài hòa, lành mạnh, tích cực, phải chú trọng thực hiện những biện pháp điều chỉnh, bổ sung để giải quyết các vấn đề xã hội phát sinh như là những hệ quả tiêu cực. Đó chính là sự bổ sung trên hai bình diện *luật pháp* và *đạo đức* mà các học giả, chuyên gia về kinh tế thị trường, về quản lý xã hội ví như "hai cột chống đỡ", "hai đập chắn sóng" làm giảm thiểu những tác động mặt trái của cơ chế thị trường. Chính vì thế, những năm gần đây và hiện nay, ở Việt Nam trong khi phát

triển mạnh mẽ kinh tế thị trường, áp dụng cơ chế thị trường cạnh tranh, phân hóa đã chú trọng hơn tới vai trò của luật pháp, đề cao tính nghiêm minh của luật pháp trong quản lý nhà nước, trong xét xử, đồng thời chú trọng giáo dục đạo đức, giáo dục truyền thống, chống chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, vụ lợi, làm giàu phi pháp, gây tổn hại tới xã hội, đặc biệt là *đề cao đạo đức công chức, kỷ luật công vụ, xiết chặt kỷ luật kỷ cương, chế độ trách nhiệm*, áp dụng các biện pháp quản lý công khai minh bạch để chống tham nhũng, phù hợp với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền và cải cách nền hành chính công.

Cũng phải từ thực tế, nhất là qua học tập kinh nghiệm của các nước đã định hình và phát triển kinh tế thị trường mà ở Việt Nam hiện nay đang đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện đồng bộ và quản lý có hiệu quả sự vận hành các thể chế kinh tế thị trường, phát triển đồng bộ và quản lý có hiệu quả sự vận hành các loại thị trường cơ bản theo cơ chế cạnh tranh lành mạnh: thị trường hàng hóa và dịch vụ, thị trường tài chính (vốn, tiền tệ), thị trường bất động sản, thị trường sức lao động, thị trường khoa học - công nghệ nhằm phát triển mạnh mẽ kinh tế thị trường.

Đó là những biến đổi thực tế, tích cực trong phát triển kinh tế và xã hội ở Việt Nam qua hơn 20 năm Đổi mới.

**3 - Xóa đói, giảm nghèo hướng tới tăng giàu, khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp, thu hẹp khoảng cách phân hóa giàu nghèo, không để xảy ra tình trạng bán cùng hóa, phát triển toàn diện nông thôn - nông nghiệp - nông dân trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa**

Trong hơn 20 năm đổi mới, nhất là trong những năm gần đây, Việt Nam đã thực hiện có hiệu quả các chính sách và chương trình quốc gia về xóa đói, giảm nghèo, trọng điểm là nông thôn, nhất là nông thôn miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, đặc biệt khó khăn. Nhà nước đã đầu tư nguồn kinh phí lớn nhiều nghìn tỉ đồng để thực hiện và theo phương thức lồng ghép các chương trình và các mục tiêu, cả bức xúc trước mắt và cơ bản lâu dài.

Xóa đói là tiền đề để giảm nghèo, giúp cho người dân và các hộ dân chủ động vươn lên vượt qua ngưỡng đói nghèo đồng thời chú trọng đầu tư vào phát triển sản xuất, tạo thêm nhiều việc làm, bảo đảm ổn định đời sống, phòng chống hiện tượng tái nghèo khổ, nhất là ở những vùng thuần nông.

Xóa đói, giảm nghèo là lĩnh vực kết hợp khá điển hình của kinh tế và xã hội, cả chính sách kinh tế lẫn chính sách xã hội, cả cứu trợ xã hội, phúc lợi xã hội và ưu đãi xã hội theo từng đối tượng.

Qua thực hiện các chương trình và dự án, việc xóa đói giảm nghèo đã đem lại lợi ích thiết thực cho nông dân thông qua những chính sách đất đai, bảo đảm cho họ có đất sản xuất, đất ở, có điều kiện vượt đói nghèo bằng tạo nghề, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, trong trồng trọt, chăn nuôi, làm nghề thủ công, khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống để thu hút lao động. Dạy nghề và trợ giúp kỹ thuật - công nghệ còn giúp cho nông dân ở các vùng, các khu công nghiệp có việc làm mới, theo hướng công nghiệp.

Phương châm "cho cần câu chứ không cho con cá có sẵn" là một bảo đảm cơ bản cho ổn định cuộc sống của các hộ nông dân nghèo, tức là *hỗ trợ cho họ phát triển*.

Tuy nhiên, như đánh giá của Đảng chúng tôi, thành công trong xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam chưa thật vững chắc, khi chuẩn nghèo nâng lên thì tỷ lệ đói nghèo hoặc tái nghèo khổ lại gia tăng, *chủ yếu vẫn là nông dân ở nông thôn, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa*. Hơn nữa, việc xóa đói giảm nghèo vẫn chỉ là xóa đói nghèo về kinh tế, mới chỉ là những nhu cầu bức xúc về tồn tại. *Đói nghèo về văn hóa* chưa được quan tâm giải quyết đúng mức, từ thông tin, học vấn, hiểu biết pháp luật, chính sách và phát triển đời sống văn hóa tinh thần. Về lâu dài, đây là một hạn chế phải khắc phục để có đủ tiền đề cho phát triển nhanh và bền vững.

Ở địa bàn nông thôn, khi bắt đầu đổi mới (Đại hội VI - 1986), chúng tôi mới chỉ đặt vấn đề phát triển kinh tế nông thôn theo ba chương trình: lương thực - thực phẩm, nghề thủ công truyền thống (hàng tiêu dùng) và xuất khẩu nông sản. Phải qua thực tiễn, *vấn đề phát triển kinh tế - xã hội nông thôn mới được nhận thức ở tầm chiến lược, cơ bản, lâu dài hơn, mới hình thành chương trình phát triển toàn diện, nông nghiệp, nông thôn, nông dân (tam nông)*, mới xác định mô hình liên kết "5 nhà" để chăm lo phát triển sức dân đi liền với bồi dưỡng sức dân, tiết kiệm sức dân. Đó là nhà nông, nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, nhà tín dụng để phục vụ cho cuộc sống của nông dân, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn; gắn liền với quá trình đó là các quá trình dân chủ hóa nông thôn, đô thị hóa nông thôn, thực hiện các biện pháp "đồn điền - đổi thửa" để khắc phục tình trạng manh mún ruộng đất, tập trung đất để phát triển vùng chuyên canh, đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi, đẩy mạnh sản xuất các hàng hóa nông sản có giá trị

kinh tế cao, tăng thu nhập cho các hộ dân bằng kinh tế trang trại, đồi rừng, bằng các mô hình tổng hợp chăn nuôi - trồng trọt - nghề thủ công - dịch vụ, thâm canh tăng vụ.

Với vùng dân tộc thiểu số còn đầy mạnh giao đất, giao rừng, thực hiện định canh, định cư, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, đầu tư vào hạ tầng cơ sở, lo nước sạch cho dân, điện thắp sáng, xây dựng trường sở, trạm xá theo mô hình "điện - đường - trường - trạm". Những đầu tư xã hội đó chẳng những góp phần ổn định cuộc sống mà còn tác động tới sản xuất, phát triển kinh tế.

Tình trạng mất đất sản xuất là một thực tế xảy ra ở một số vùng nông thôn trong sự phân hóa giàu nghèo, bởi tác động của kinh tế thị trường. Vấn đề đặt ra là bảo đảm cho người nông dân có đất sản xuất và đất ở bằng các hình thức chuộc lại hoặc điều chỉnh, điều tiết với sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng.

Phải làm cho người dân có nghề mới để dù không còn làm ruộng nhưng ra đô thị vẫn kiếm được việc làm, bảo đảm cho con em các gia đình nông dân đến trường lớp, không bỏ học, thất học, mù chữ. Chế độ miễn học phí, miễn phí khám bệnh cho con em nông dân, áp dụng bảo hiểm y tế, chăm lo sức khỏe cộng đồng để từng bước làm cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận được các dịch vụ công cộng và thụ hưởng lợi ích từ chính sách và phúc lợi xã hội, nhất là vùng đặc biệt khó khăn. Đó là những nỗ lực để đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội trong phát triển.

**4 - Bảo đảm sự phát triển cân đối giữa các ngành, các lĩnh vực, các vùng miền, kết hợp các nguồn lực và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu**

**đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, tận dụng và phát huy lợi thế so sánh để phát triển trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế**

Sự phát triển hài hòa, đồng bộ kinh tế và xã hội đặt ra yêu cầu phải bảo đảm phát triển cân đối giữa các ngành, các lĩnh vực, các địa phương, vùng miền để tạo ra sức mạnh tổng hợp của toàn bộ nền kinh tế và nâng cao trình độ, chất lượng của phát triển xã hội. Bảo đảm *tính cân đối trong cơ cấu, tính đồng đều trong trình độ phát triển*. Khắc phục khoảng cách chênh lệch quá xa giữa phát triển vùng miền, giữa phát triển đô thị với phát triển nông thôn, miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số làm ăn và sinh sống.

Theo yêu cầu ấy, cần thiết phải có chính sách thúc đẩy nhịp độ và gia tăng hiệu quả của các nguồn vốn, dòng vốn đầu tư từ nước ngoài vào đồng thời phải có các chính sách, các biện pháp *huy động vốn trong dân* phục vụ sản xuất kinh doanh đem lại lợi ích chính đáng, thiết thực, công bằng và hợp lý cho các đối tượng, cá nhân, tập thể và xã hội.

Để phát triển cân đối, giữa các ngành kinh tế, trong những năm qua Việt Nam đã đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn, làm cho nông nghiệp vượt qua giới hạn của nền kinh tế tiểu nông, hình thành nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa có giá trị cao, vừa bảo đảm an ninh lương thực quốc gia vừa tăng cường xuất khẩu những loại hàng hóa đem lại nguồn thu lớn.

Công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam đòi hỏi phải đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn để xây dựng kinh tế nông nghiệp theo hướng